

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023 THEO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số 468/BC-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Hớn Quản)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So với kế hoạch		
I	Chỉ tiêu Kinh tế						
1	Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	3.391	3.395	Vượt	3.535	
2	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	1.220	1.297	Vượt	1.556	
3	Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	2.294	2.510	Vượt	3.048	
4	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	391	347,75	Không đạt	297	
5	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	1	1	Đạt	1	
6	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	1	1	Đạt	1	
7	Số doanh nghiệp được thành lập mới	Doanh nghiệp	60	61	Vượt	60	
8	Số HTX được thành lập mới	HTX	3	3	Đạt	3	
9	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,3	99,30	Đạt	99,4	
10	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,68	99,68	Đạt	99,68	
11	Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm	%	75,6	75,6	Đạt	74,98	
II	Chỉ tiêu xã hội, môi trường						
12	Số trường duy trì đạt chuẩn quốc gia	Trường	12	12	Đạt	18	
13	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh/10.000 dân	7,8	6,74	Không đạt	6,7*	
14	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ/10.000 dân	4,38	5,1	Vượt	5***	
15	Tăng dân số cơ học để tăng mức tăng dân số hàng năm	%	0,65	0,65	Đạt	0,65	
16	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	Đạt	100	
17	Giảm tỷ suất sinh	‰	0,15	0,16	Đạt	0,2	
18	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi không ché	%	8	5,60	Đạt	7	
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng	%	85	54,3	Không đạt	85****	
20	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	93	93,0	Đạt	94	
21	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	38	38,0	Đạt	42	
22	Phấn đấu giải quyết việc làm	Lao động	3.600	3.620	Vượt	3.800	

23	Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới	%	<3	<3	Đạt	<3
24	Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn	%	90	90	Đạt	90
25	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	66	66	Đạt	73
26	Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện theo tiêu chí mới áp dụng cho giai đoạn 2022-2025	% Hộ	218	234	Vượt	Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 0,3%
27	Tỷ lệ số hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”	%	95	98	Vượt	98
28	Tỷ lệ ấp sóc và khu dân cư được công nhận giữ vững danh hiệu hóa	%	94	97	Vượt	94
29	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	98	100	Vượt	100
30	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	%	91,8	91,8	Đạt	95

*Chi tiêu số giường bệnh/10.000 dân năm 2024 là 6,7 giường bệnh/vạn dân (70 giường với dân số 104.473 người); năm 2023 số giường bệnh /vạn dân là 6,74 giường (70 giường bệnh với dân số 103.799 người); Số giường bệnh tuyệt đối là 70 giường năm 2024 giữ mức so với năm 2023, dân số năm 2024 dự kiến tăng 0,65% so với năm 2023.

** Chỉ tiêu số bác sỹ/10.000 dân năm 2024 là 5 bác sỹ/vạn dân (153 bác sỹ với dân số 104.473 người); năm 2023 số bác sỹ/vạn dân là 5,1 bác sỹ (153 bác sỹ với dân số 103.799 người); Số bác sỹ tuyệt đối là 153 bác sỹ năm 2024 giữ mức so với năm 2023, dân số năm 2024 dự kiến tăng 0,65% so với năm 2023.

***Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng năm 2024 là 85% bằng với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 (với số lượng vaccin dự trù cả năm 2024 là 3.600 liều phân bổ về Trung tâm y tế huyện), thực hiện năm 2023 chỉ đạt 53,4% do gặp khó khăn trong công tác đầu thầu vaccin dẫn đến lượng vaccin phân bổ về không đủ, trong năm 2024 công tác đầu thầu Vaccin đã được tháo gỡ.

